

HẠN MỨC, BIỂU PHÍ DỊCH VỤ INTERNET BANKING

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1750/QĐ-NHKL ngày 10/11/2021
của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long)

A. HẠN MỨC, BIỂU PHÍ

I DỊCH VỤ INTERNET BANKING				
1 Khách hàng Cá Nhân				
1.1	Hạn mức giao dịch⁽¹⁾	Hạn mức GD/lần	Hạn mức GD/ngày	
	– Gói IBANK-BASIC	50.000.000đ	100.000.000đ	
	– Gói IBANK-ADVANCE	100.000.000đ	100.000.000đ	
	– Gói IBANK-SMART BASIC	100.000.000đ	500.000.000đ	
	– Gói IBANK-SMART ADVANCE	200.000.000đ	1.000.000.000đ	
1.2	Hạn mức Thanh toán dư nợ Thẻ tín dụng KienlongBank			
	– Của Chủ Thẻ	Không giới hạn		
	– Của người khác	Áp dụng theo gói hạn mức dịch vụ Khách hàng đăng ký		
1.3	Phí dịch vụ	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
1.3.1	Phí duy trì dịch vụ	5.500đ/tháng	Nếu KH sử dụng nhiều hơn 01 dịch vụ trong số các dịch vụ Ngân hàng điện tử thì KienlongBank chỉ thu Phí duy trì cao nhất của 01 dịch vụ và miễn phí các dịch vụ còn lại.	
1.3.2	Phí chuyển khoản			
a	Chuyển khoản trong hệ thống KienlongBank			
	– Người nhận có TK			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
	+ Khác tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
	– Người nhận bằng CMND			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	Miễn phí		

	+ Khác tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
b	Chuyển khoản ngoài hệ thống KienlongBank			
	Người nhận có TK			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	0,01% (Áp dụng từ 01/01/2022)	5.500đ	550.000đ
	+ Khác tỉnh/ thành phố	0,04% (Áp dụng từ 01/01/2022)	11.000đ	1.100.000đ
	Người nhận bằng CMND			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	0,01% (Áp dụng từ 01/01/2022)	5.500đ	550.000đ
	+ Khác tỉnh/ thành phố	0,04% (Áp dụng từ 01/01/2022)	11.000đ	1.100.000đ
c	Chuyển tiền nhanh liên ngân hàng			
	+ GD có giá trị từ 0 đến 500.000đ	0,4% (Áp dụng từ 01/01/2022)		
	+ GD có giá trị từ 500.001đ	0,03% (Áp dụng từ 01/01/2022)	5.500đ	
1.3.3	Phí thanh toán dư nợ Thẻ tín dụng KienlongBank	Miễn phí		
1.3.4	Tắt/mở tính năng thanh toán trực tuyến của Thẻ	Miễn phí		
1.3.5	Khóa /mở Thẻ	Miễn phí		
2	Khách hàng Doanh Nghiệp			
2.1	Hạn mức giao dịch⁽¹⁾	Hạn mức GD/lần	Hạn mức GD/ngày	
	- Gói IBANK-BASIC	50.000.000đ	100.000.000đ	
	- Gói IBANK-ADVANCE	100.000.000đ	100.000.000đ	

	– Gói IBANK-SMART BASIC	100.000.000đ	500.000.000đ	
	– Gói IBANK-SMART ADVANCE	200.000.000đ	1.000.000.000đ	
	– Gói IBANK-PROFESSIONAL	200.000.000đ	1.500.000.000đ	
2.2	Phí dịch vụ	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
2.2.1	Phí duy trì dịch vụ	11.000đ/tháng	Nếu KH sử dụng nhiều hơn 01 dịch vụ trong số các dịch vụ Ngân hàng điện tử thì KienlongBank chỉ thu Phí duy trì cao nhất của 01 dịch vụ và miễn phí các dịch vụ còn lại.	
2.2.2	Phí chuyển khoản			
a	Chuyển khoản trong hệ thống KienlongBank			
	– Người nhận có TK			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
	+ Khác tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
	– Người nhận bằng CMND			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
	+ Khác tỉnh/ thành phố	Miễn phí		
b	Chuyển khoản ngoài hệ thống KienlongBank			
	– Người nhận có TK			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	0,01% (Áp dụng từ 01/01/2022)	11.000đ	550.000đ
	+ Khác tỉnh/ thành phố	0,04% (Áp dụng từ 01/01/2022)	22.000đ	1.100.000đ
	– Người nhận bằng CMND			
	+ Cùng tỉnh/ thành phố	0,01% (Áp dụng từ 01/01/2022)	11.000đ	550.000đ
	+ Khác tỉnh/ thành phố	0,04% (Áp dụng từ 01/01/2022)	22.000đ	1.100.000đ

c	Chuyển tiền nhanh liên ngân hàng			
	+ GD có giá trị từ 0 đến 500.000đ	0,4% (Áp dụng từ 01/01/2022)		
	+ GD có giá trị từ 500.001đ	0,03% (Áp dụng từ 01/01/2022)	5.500đ	
3	PHÍ DỊCH VỤ CHUNG	Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
3.1	Phí đăng ký dịch vụ	Miễn phí		
3.2	Phí tra soát khiếu nại			
	– Lỗi không thuộc về khách hàng	Miễn phí		
	– Lỗi thuộc về khách hàng			
	+ GD trong hệ thống KienlongBank	22.000đ/lần		
	+ GD ngoài hệ thống KienlongBank	22.000đ/lần + Phí NH khác		
3.3	Phí xử lý yêu cầu (mở khóa/ cấp lại mật khẩu/thay đổi số điện thoại, hủy dịch vụ,...)	Miễn phí		
3.4	Phí truy vấn thông tin giao dịch	Miễn phí		
3.5	Phí sao kê tài khoản	Miễn phí		
3.6	Phí sử dụng dịch vụ xác thực			
	– Phí nhận mã OTP SMS	Miễn phí		
	– Phí cấp ID - phần mềm OTP eToken	Miễn phí		
	– Phí cấp thiết bị OTP Hard Token	220.000đ/thiết bị		
3.7	Phí thanh toán hóa đơn (Billing)	Miễn phí		
3.8	Phí nạp tiền (Topup)	Miễn phí		
3.9	Phí mua mã thẻ	Miễn phí		
4	Chiết khấu đối với dịch vụ nạp tiền, mua mã thẻ và thanh toán hóa đơn			
4.1	Nạp tiền (Topup)	Theo quy định nhà cung cấp		

4.2	Mua mã thẻ	Theo quy định nhà cung cấp
4.3	Thanh toán hóa đơn (Billing)	Theo quy định nhà cung cấp

B. NGUYÊN TẮC THU PHÍ

- Biểu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Các khoản phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu theo biểu phí này không được hoàn lại trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy giao dịch.
- Các phí khác liên quan không được quy định sẽ được áp dụng theo biểu phí hiện hành của KienlongBank.
- KienlongBank sẽ chiết khấu cho Khách hàng theo mức chiết khấu mà nhà cung cấp (NCC) dịch vụ chiết khấu cho KienlongBank. Mức chiết khấu có thể thay đổi khi có sự thay đổi mức chiết khấu theo thông báo của NCC hoặc theo chính sách của KienlongBank từng thời kỳ.
- Danh sách các Ngân hàng liên kết với KienlongBank trong dịch vụ Thẻ và Ngân hàng điện tử sẽ được KienlongBank công bố trong từng thời kỳ.
- Biểu phí này có thể thay đổi, chỉnh sửa theo chính sách của KienlongBank trong từng thời kỳ.
- ⁽¹⁾ Hạn mức dịch vụ theo gói là hạn mức chung của tất cả các giao dịch thuộc sản phẩm dịch vụ được cung cấp, trừ trường hợp có quy định cụ thể hạn mức của từng loại giao dịch.